

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số... 596... ngày 22/8/2009...
	CHUYÊN
	Lãnh đạo CC...
	Phòng... <i>m.t.k</i> ...
	Sao... <i>l.h.s</i> ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 001/THAIHUNG/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THÁI HƯNG

Địa chỉ: Đường D3, Khu D, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: 02213 587 777 / 090 2222 319

Fax: 02213 587 555

E-mail:

Website: www.thaihungfood.com

Mã số doanh nghiệp: 0900917039

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: NƯỚC TƯƠNG LÊN MEN TỰ NHIÊN SOTRAN VỊ CAY

2. Thành phần: Đậu nành khử chất béo không biến đổi gen, Lúa mì, Muối ăn, Đường trắng, Bột ngọt, Chất điều vị Guanylat dinatri, Natri benzoate, Chiết xuất men, Siro Mạch Nha, Tỏi, Muối tiêu, Chất làm ngọt Sucralose, Chất làm dày thực phẩm, Tinh chế thực phẩm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Sản phẩm đóng trong chai nhựa PE/PP đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- Quy cách đóng gói: chai nhựa 300ml, 500ml, 800ml, 1.8 lít, 5 lít.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- Tên cơ sở sản xuất sản phẩm: Shangdong Qiaoxifu Food Group Co., Ltd

- Địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Khu Công Nghệ Cao Truy Bác, Thành phố Truy Bác, Tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Đính kèm hồ sơ

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số 8-1:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số 8-2:2011/BYT đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số 8-3:2012/BYT đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 19/12/2007 Về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 22 tháng 08 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



HOÀNG PHÚ BÀNG



Nội dung nhãn phụ dự kiến

NƯỚC TƯƠNG LÊN MEN TỰ NHIÊN SOTRAN VỊ CAY

Thể tích thực:

Thành phần: Đậu nành khử chất béo không biến đổi gen, Lúa mì, Muối ăn, Đường trắng, Bột ngọt, Chất điều vị Guanylat dinatri, Natri benzoate, Chiết xuất men, Siro Mạch Nha, Tỏi, Muối tiêu, Chất làm ngọt Sucralose, Chất làm dày thực phẩm, Tinh chế thực phẩm

HDSD: Làm nước chấm hoặc làm gia vị để chế biến, tẩm ướp thực phẩm

NSX: Xem trên bao bì sản phẩm - HSD: Xem trên bao bì sản phẩm

Khuyến cáo: Không sử dụng cho người dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm

Bảo quản sản phẩm tại nơi khô ráo, thoáng mát. Sau khi sử dụng, vui lòng đậy nắp lại và bảo quản trong tủ lạnh.

Xuất xứ: Trung Quốc

NK&PP: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THÁI HÙNG

Đ/c: Đường D3, Khu D, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THÁI HÙNG

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)



HOÀNG PHÚ BẰNG

NƯỚC TƯƠNG LÊN MEN TỰ NHIÊN SOTRAN VỊ CAY

SOTRAN

Nước tương

Vị cay (SPICY)

ĐẬU NÀNH KHÔNG BIẾN ĐỔI GEN

Thông tin dinh dưỡng

Chất	1 khẩu phần ăn (15ml)	NRV%
Calorie	34KJ	0%
Protein	1.1g	2%
Chất béo	0g	0%
Carbon hydrate	0.9g	0%
Natri	900mg	45%

THÀNH PHẦN: Đậu nành KHỬ CHẤT BÉO KHÔNG BIẾN ĐỔI GEN, Lúa mì, Muối ăn, Đường trắng, Bột ngọt, Chất điều vị Guanylat dinatri, Natri benzoate, Chiết xuất men, Siro Mạch Nha, Tỏi, Muối tiêu, Chất làm ngọt Sucralose, Chất làm dày thực phẩm, Tinh chế thực phẩm.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Sản phẩm sử dụng như một dạng nước chấm, một loại gia vị để tắm ướp hoặc chế biến.

BẢO QUẢN: Nên được bảo quản tại nơi khô thoáng. Sau khi sử dụng, vui lòng đậy nắp lại và cất sản phẩm vào tủ lạnh.

Ngày sản xuất: 17.04.2019

Ngày hết hạn: 17.10.2020

Sản xuất bởi: Shangdong Qiaoxifu Food Group Co., Ltd.

Địa chỉ: Khu Công Nghệ Cao Zibo, Thành phố Zibo, Tỉnh Shangdong, Trung Quốc

Nhập khẩu và phân phối bởi: Thai Hung Food Co., Ltd.

Địa chỉ: Đường D3, Khu D, Khu Công Nghiệp Phố Nối A, Văn Lâm, Hưng Yên,
Việt Nam

THC

ĐT: (84-4).2213 587 777

Fax: (84-4).2213 587 555

Website: www.thaihungfood.com



8"938510"969215

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 12 tháng 06 năm 2019

Tại: Văn phòng Công chứng Đoàn Ngà, Thành phố Hà Nội.

Tôi, là công chứng viên Văn phòng Công chứng Đoàn Ngà, Thành phố Hà Nội.

CHỨNG NHẬN:

- Bản dịch này do bà Nguyễn Thị Như Trang, CMND số: 164390856, cấp ngày 09/05/2006 do công an Ninh Bình cấp, là cộng tác viên biên dịch tiếng Anh của Văn phòng Công chứng Đoàn Ngà, Thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Nguyễn Thị Như Trang.
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.
- Bản dịch gồm tờ, trang, lưu một bản tại Văn phòng Công chứng Đoàn Ngà, Thành phố Hà Nội.
- Số công chứng: 07640
- Quyền số: 01 / TP/CC-SCC/BD

BIÊN DỊCH VIÊN

Nguyễn Thị Như Trang

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN

Chu Cảnh Hương

C.1
NG
ỨNG
GÀ
TP

Produced by: Shangdong Qiaoxifu Food Group Co., Ltd.
Address: Zibo Hi-Tech Zone, Zibo City, Shangdong Province, China

Imported & Distributed by: Thai Hung Food Co., Ltd.
Address: D3 Str., Zone D, Pho Noi A IZ, Van Lam Province, Hung Yen, Vietnam.



Tel: (84-4) 2213 587 777
Fax: (84-4) 2213 587 555

Website: www.thaihungfood.com

300 ml



SPICY
NON-GMO SOYBEAN

Nutrition Information

Item	1 Portion (15ml)	NRV%
Calorie	34KJ	0%
Protein	1.1g	2%
Fat	0g	0%
Carbohydrate	0.9g	0%
Sodium	900mg	45%

Ingredients: GMO-FREE defatted soybean, Wheat, Edible salt, Granulated white sugar, Sodium Glutamate, Disodium 5-ribonucleotide, Sodium benzoate, Yeast extract, Malt syrup, Garlic, Chili salt, Sucralose, Xanthan gum, Edible essence

Direction: it shall be used as a dip, a seasoning for mixing or in cooking.

Storage: it shall be stored in cool and dry place. After using, let cover the cap and take it in refrigerator



GIÁM ĐỐC
Hoàng Phú Bằng





BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thân Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 - 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

BẢN SAO

Số: 9751/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên mẫu: Nước tương lên men tự nhiên Sotran vị cay
2. Mã số mẫu: 05192856/DV.1
3. Mô tả mẫu: Nguyên chai 300 mL - Số lượng: 2
NSX: 17/04/2019 - HSD: 17/10/2020; Không có mẫu lưu
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có
6. Ngày lấy mẫu: Không có
7. Ngày nhận mẫu: 21/05/2019
8. Thời gian thử nghiệm: 21/05/2019 - 30/05/2019
9. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM THÁI HƯNG
Địa chỉ: Đường D3, khu D, KCN Phố Nối A, xã Lạc Hồng,
huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
10. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.1*	<i>Salmonella</i>	/25mL	TCVN 10780-1:2017	KPH
10.2*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/mL	ISO 4833-1:2013	7
10.3*	<i>S. aureus</i>	CFU/mL	TCVN 4830-1:2005	KPH (LOD: 1 CFU/mL)
10.4*	<i>Cl. perfringens</i>	CFU/mL	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1 CFU/mL)
10.5*	Coliforms	CFU/mL	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1 CFU/mL)
10.6*	<i>E. coli</i>	CFU/mL	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1 CFU/mL)
10.7*	Tổng số bào tử nấm men-mốc	CFU/mL	TCVN 8275-1:2010	KPH (LOD: 1 CFU/mL)
10.8	Cảm quan: Màu sắc, trạng thái, mùi vị	-	NIFC.05.M.199	Dạng lỏng, màu nâu cánh gián sẫm, có vị mặn và cay, mùi thơm đặc trưng của sản phẩm
10.9	Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường	-	NIFC.05.M.199	Không có tạp chất lạ
10.10	Hàm lượng chất rắn hòa tan không kể muối	%	NIFC.05.M.203	22,4
10.11*	Hàm lượng Nitơ tổng số	g/L	NIFC.02.M.03	11,9
10.12*	Hàm lượng Muối	g/L	NIFC.02.M.07	155
10.13*	Độ acid (tính theo acid acetic)	g/L	NIFC.02.M.08	16,3
10.14*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,011 mg/kg)
10.15*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	< 0,012
10.16*	Hàm lượng Chì	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,027

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG



BỘ Y TẾ

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thân Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
10.17*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
10.18*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
10.19*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)
10.20*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5 µg/kg)

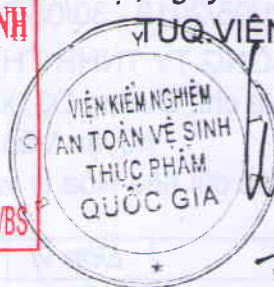
Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2019

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 22-08-2019

Số chứng thực: 015166 - Quyền số 002 - SCT/BS



TRƯỞNG PHÒNG
KẾ HOẠCH - HTQT
Nguyễn Văn Nhiên



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Tư

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm

2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG

3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu